

Số: 659 /TB-QLTTĐT

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-QLTTĐT ngày 02/8/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tên tài sản bán đấu giá: Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm 07 lô hàng, cụ thể như sau:

Lô tài sản	Tài sản	Tổng trị giá tài sản (Đồng)
1	Lọc nhớt, nắp bình xăng, kẹp bình ắc quy	7.930.000
2	Lưới che nắng	32.000.000
3	Ốp lưng điện thoại, kính cường lực, loa	17.720.000
4	Xe đạp điện	8.100.000
5	Lọc nước, đèn led, đèn đội đầu	6.840.000
6	Ổ khóa, chìa	8.408.000
7	Quần áo may sẵn	128.700.000

(Đính kèm bảng kê tài sản)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

- Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (đính kèm Phụ lục I).

- Phần điểm cộng 5 điểm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022, cụ thể như sau:

+ Tổ chức đấu giá nào có kinh nghiệm đấu giá từ 4 năm trở lên được cộng 2 điểm, từ 3 năm đến dưới 4 năm được cộng 1,5 điểm, dưới 3 năm được cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có số tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề cao nhất (trừ thuế giá trị gia tăng): cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp nhất: cộng 2 điểm.

5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Kể từ ngày 06/8/2024 đến ngày 08/8/2024 (Trong giờ hành chính) nếu các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

* Lưu ý:

- Không hoàn lại hồ sơ đối với đơn vị có hồ sơ không được lựa chọn.

- Bán nguyên trạng tài sản, người được quyền mua tài sản tự chịu trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung các thủ tục cần thiết theo quy định nếu đưa hàng hóa ra lưu thông trên thị trường.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký. / . Năm

Nơi nhận:

- Cục trưởng (b/c);
- Công TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, NVTH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Huệ



TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

BẢNG KÊ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU XỬ LÝ BÁN ĐẤU GIÁ
(Kèm theo Thông báo số: **659** /TB-QLTTĐT ngày **05** tháng 8 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
I. Lô lọc nhớt, nắp bình xăng, kẹp bình ắc quy					Tổng trị giá tài sản						7.930.000
1	Đội QLTT số 1	49010042/QĐ-XPHC	04/4/2024	Lọc nhớt	Nhãn hiệu H.K FILTER, model HD-6D16	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	7	130.000	910.000
				Lọc nhớt	Nhãn hiệu H.K FILTER, model KIA-Rhino (5-ton)	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	7	140.000	980.000
				Lọc nhớt	Nhãn hiệu H.K FILTER, model DAEWOO-2366	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	4	170.000	680.000
				Lọc nhớt	Nhãn hiệu H.K FILTER, model ASIA.E.F.750	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	8	130.000	1.040.000
				Lọc nhớt	Nhãn hiệu H.K FILTER, model DW-1146	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	2	140.000	280.000
				Lọc nhớt	Nhãn hiệu H.K FILTER, model DAEWOO-2848	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	2	140.000	280.000
				Lọc nhớt	Nhãn hiệu H.K FILTER, model HYUNDAI 6D22-L.ENG	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	3	250.000	750.000
				Lọc nhớt	Nhãn hiệu VICKEF FILTER LF3349	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	3	150.000	450.000
2	Đội QLTT số 3	49030093/QĐ-XPHC	29/6/2023	Kẹp bình ắc quy điện	Không nhãn hiệu, loại kẹp đại	Không rõ NGXX	CQSD	Cặp	15	32.000	480.000
				Kẹp bình ắc quy điện	Không nhãn hiệu, loại kẹp trung	Không rõ NGXX	CQSD	Cặp	14	20.000	280.000
				Kẹp bình ắc quy điện	Không nhãn hiệu, loại kẹp tiêu	Không rõ NGXX	CQSD	Cặp	30	16.000	480.000
				Nắp bình xăng	PPL, nắp răng khía	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	40.000	600.000
				Nắp bình xăng	PPL, nắp tròn	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	18	40.000	720.000
II. Lô lưới che nắng					Tổng trị giá tài sản						32.000.000
1	Đội QLTT số 1	49010044/QĐ-XPHC	11/4/2024	Lưới che nắng	Nhãn hiệu GOLD BELL	Không rõ NGXX	CQSD	Cuộn	40	800.000	32.000.000
III. Lô phụ kiện, ốp lưng điện thoại di động					Tổng trị giá tài sản						17.720.000
1	Đội QLTT số 3	49030046/QĐ-XPHC	12/04/2024	Ốp lưng điện thoại	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	60	50.000	3.000.000
2	Đội QLTT số 3	49030085/QĐ-XPHC	16/6/2023	Ốp lưng ĐTDĐ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	70	32.000	2.240.000
				Loa	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	05	400.000	2.000.000
3	Đội QLTT số 3	49030088/QĐ-XPHC	26/6/2023	Kính cường lực	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	120	24.000	2.880.000
4	Đội QLTT số 3	49030094/QĐ-XPHC	29/6/2023	Ốp lưng điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	28.000	2.800.000



STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Số	Ngày tháng									
5	Đội QLTT số 3	49030096/QĐ-XPHC	03/7/2023	Ôp lung điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	150	32.000	4.800.000	
IV. Lô xe đạp điện				Tổng trị giá tài sản								8.100.000
1	Đội QLTT số 3	49030050/QĐ-XPHC	02/05/2024	Xe đạp điện	Xe đạp điện SPORT, màu sơn: trắng xanh, ASIA 350W4 2023 ANN2007 KF (Không có bình ắc quy, bộ sạc điện và bộ pedan kèm theo xe)	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	1	4.100.000	4.100.000	
				Xe đạp điện	Xe đạp điện SARUNE, màu sơn: trắng xanh, số khung 237222305402305; YJ48V350W23071182 (Không có bình ắc quy, bộ sạc điện và bộ pedan kèm theo xe)	Không rõ NGXX	CQSD	Chiếc	1	4.000.000	4.000.000	
V. Lô lọc nước, đèn led, đèn đội đầu				Tổng trị giá tài sản								6.840.000
1	Đội QLTT số 3	49030089/QĐ-XPHC	26/6/2023	Lọc nước	Korea Ceramic	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	14	88.000	1.232.000	
				Đèn bắt muỗi	DP	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	03	336.000	1.008.000	
				Bình giữ nhiệt	BAOL	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	02	120.000	240.000	
2	Đội QLTT số 3	49030091/QĐ-XPHC	27/6/2023	Bóng đèn led	KB Led Bulb Light, loại: 30W	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	132.000	1.320.000	
				Bóng đèn led	USB Outdoor lighting, loại 80W	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	05	160.000	800.000	
				Bóng đèn led	Yến Quân, loại 30W	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	144.000	1.440.000	
				Đèn đội đầu	ĐAT TRIEU, Đx 166	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	80.000	800.000	
VI. Lô ổ khóa, kiểm				Tổng trị giá tài sản								8.408.000
1	Đội QLTT số 3	49030090/QĐ-XPHC	27/6/2023	Ổ khóa	ZSOLEX-R	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	72	32.000	2.304.000	
				Ổ khóa	YQFI, loại 50 mm	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	05	88.000	440.000	
				Ổ khóa	YQFI, loại 60 mm	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	96.000	1.440.000	
2	Đội QLTT số 3	49030092/QĐ-XPHC	27/6/2023	Kiểm	Professional Standard	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	08	108.000	864.000	
				Ổ khóa	MasLcty top	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	40.000	400.000	
				Ổ khóa	URSO	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	04	80.000	320.000	
				Rô tuyen lái	QUANGUAN	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	06	200.000	1.200.000	
				Rô tuyen lái	RMD	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	10	144.000	1.440.000	
VII. Lô quần áo may sẵn				Tổng trị giá tài sản								128.700.000
1	Đội QLTT số 1	49010045/QĐ-XPHC	11/4/2024	Quần jean dài nữ	Nhãn hiệu DENIM PH	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	25	220.000	5.500.000	



STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
2	Cục QLTT tỉnh Đồng Tháp	49000024/QĐ-XPHC	16/04/2024	Áo len nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	200	160.000	32.000.000
				Áo khoác nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	96.000	9.600.000
3	Cục QLTT tỉnh Đồng Tháp	49000026/QĐ-XPHC	24/04/2024	Quần ngắn nữ	Không nhãn hiệu, loại: vải dù	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	1000	48.000	48.000.000
				Quần ngắn nữ	Không nhãn hiệu, loại: vải kaki	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	350	56.000	19.600.000
				Áo nam	Không nhãn hiệu, loại: vải	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	250	56.000	14.000.000

Ghi chú:

NGXX: Nguồn gốc, xuất xứ;

CQSD: Chưa qua sử dụng;

QLTT: Quản lý thị trường



PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN¹

(Kèm theo Thông báo số 659/TB-QLTTĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật	3,0



¹ Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

	<i>tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0

4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu	5,0



	giá quyết định	
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>